

Phụ lục 1
Các biểu mẫu công khai cơ sở giáo dục mầm non
(Kèm theo Công văn số 1774/SGDDĐT-KĐCLGD ngày 14/ 11 /2023 của
Sở Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 01

UBND THÀNH PHỐ MỸ THO
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỚC THẠNH

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Đạt trên 97,5%	Đạt trên 99%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Đạt 100%	Đạt 100%
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Đạt trên 97%	Đạt trên 98,8%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Trang bị cơ sở vật chất bán trú để đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng trẻ đạt tốt. - Trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp, các đồ chơi phát triển vận động... để đảm bảo tốt hoạt động vui chơi và học tập cho trẻ. - Cải tạo sân chơi, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp theo hướng trải nghiệm, theo dự án, ...đạt tốt.	

Phước Thanh, ngày 10 tháng 6 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kiều Oanh

Biểu mẫu 02

**UBND THÀNH PHỐ MỸ THO
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỚC THẠNH**

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	25-36 tháng tuổi	Mẫu giáo		
				3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em					
1	Số trẻ em nhóm ghép	26	00	06	20	00
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	00	00	00	00	00
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	472	35	85	177	175
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	00	00	00	00	00
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	472	35	85	177	175
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	472	35	85	177	175
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	472	35	85	177	175
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	472	35	85	177	175
1	Số trẻ cân nặng bình thường	448	34	78	172	164
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	04	01	02	01	00
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	472	35	85	177	175
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	00	00	00	00	00
5	Số trẻ thừa cân béo phì	20	00	5	4	11
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	472	35	85	177	175
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	35	35	00	00	00
2	Chương trình giáo dục mẫu	437	00	85	177	175

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	25-36 tháng tuổi	Mẫu giáo		
				3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
	giáo					

Phước Thanh, ngày 10 tháng 6 năm 2024



Nguyễn Thị Kiều Oanh

Biểu mẫu 03

**UBND THÀNH PHỐ MỸ THO
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỚC THẠNH**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	29	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	40	
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	02	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.467,5	10,7 m²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.977,2	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	734,1	1,75 m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	734,1	1,75 m ²
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	183,6	0,43 m ²
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	418,4	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	63,4	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	103,7	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	145,5	0,34m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)

*** Nhà vệ sinh:**

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6	14		0,03	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*** Khác**

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Phước Thành, ngày 10 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kiều Oanh

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	Lá 114/114 (100%) Chòi: 117/117 (100%); Mâm: 95/95 (100%); Nhà trẻ: 83/83 (100%)	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	Chòi: 00/177 Mâm: 00 /95 Nhà trẻ: 00/83	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	48	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử - tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	52	
1	Máy tính	23	
2	Máy chiếu	1	
3	Máy in	15	
4	Tivi	12	
5	Máy Scan	01	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1	Đàn	14	
2	Bàn ghế đúng quy cách	209	
3	Âm thanh ngoài trời	02	
4	Khu vui chơi phát triển tư duy	04	
5	Góc chơi trải nghiệm (cầu thang)	03	
6	Khu vui chơi vận động	01	
7	Hồ bơi	01	

UBND THÀNH PHỐ MỸ THO
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỚC THẠNH

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025

[illegible]

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Ghi chú
5	Nhân viên khác	13						13							

Phước Thanh, ngày 10 tháng 6 năm 2024

HIEU TRUONG



Nguyễn Thị Kiều Oanh